TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM **TỔNG CÔNG TY** **THĂM DÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
Số: 787./TDKT-KH&ĐT	*Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023*
V/v Góp ý dự thảo Nghị định thay thế NĐ124/2017/NĐ-CP về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (version 20/2/2023)	

Kính gửi: - Vụ Dầu khí và Than – Bộ Công Thương

- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Phúc đáp công văn số 816/BCT-DKT ngày 21/2/2023 về việc lấy ý kiến dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí (lần 2, Dự thảo ngày 20/2/2023) và tiếp theo các ý kiến góp ý tại các cuộc họp của Ban Soạn thảo và Tổ Biên tập, Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí xin báo cáo bổ sung các vấn đề về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và góp ý Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định 124 như sau:

- Điều 14 - Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài:
  + Khoản 2: Hiệu chỉnh như sau: *"2. Nhà đầu tư được chuyển ~~ngoại tệ~~ tiền, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài…".*
  + Khoản 4: Bổ sung phần gạch chân *"4. Nhà đầu tư được thực hiện các giao dịch hoàn trả lại phần góp vốn (thừa) của đối tác nước ngoài và thực hiện các nghĩa vụ tài chính (nếu có) đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của Hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan sau khi kết thúc dự án dầu khí, hoạt động dầu khí ở nước ngoài.*
- Điều 18 - Xử lý chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài không thành công:
  + PVEP kiến nghị giữ lại nội dung điều này như đã quy định tại Điều 25, Nghị định 124/2017/NĐ-CP. Trong trường hợp này, không có nội dung như tại Khoản 3, Điều 26.
  + Trường hợp không được chấp thuận (như Dự thảo hiện tại), sẽ giữ lại Khoản 3, Điều 26 - Quy định chuyển tiếp tại Dự thảo ngày 20/2/2023.
  - Khoản 2e, Điều 4 - Vốn đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí:
  + Bổ sung thêm chữ gạch chân: "*Phần gánh vốn, phần ứng vốn, lợi nhuận trả cho đối tác gánh vốn, ứng vốn (nếu có)*";
- Điều 16 – Chuyển khoản thu hồi vốn (chi phí) từ dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam:
  + Khoản 3, đề xuất hiệu chỉnh như sau: *"Trường hợp tổng vốn đầu tư ra nước ngoài chưa đạt so với vốn đăng ký hoặc trong trường hợp tăng vốn đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được giữ lại các khoản thu hồi vốn (chi phí) của dự án dầu khí ở nước ngoài và lợi nhuận của Nhà đầu tư ~~và phần còn lại của khoản~~*

~~thu hồi vốn sau khi nộp thuế (theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư)~~ để đầu tư cho dự án ~~đó nếu được quy định trong~~ dầu khí hoặc dự án dầu khí khác ở nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh"

+ Đồng thời, đề xuất giữ lại nội dung về Việc chuyển lợi nhuận về Việt Nam (để thống nhất áp dụng tại Nghị định, thay vì tham khảo nhiều văn bản).

- Điều 3 – Giải thích từ ngữ:

+ Khoản 5: Bổ sung nội dung gạch chân *"Hợp đồng dầu khí là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa đại diện chủ sở hữu tài nguyên dầu khí với nhà đầu tư hoặc pháp nhân do Nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài"*

+ Khoản 7: đề nghị bỏ khái niệm "Người điều hành" vì không được nhắc đến trong toàn bộ nội dung của Dự thảo Nghị định.

Chi tiết các nội dung góp ý Dự thảo NĐ thay thế NĐ 124 như tài liệu gửi kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TGĐ T.H.Nam (e-copy, để b/c)
- Ban QTNNL, TC&KT, QLDA, PC&TT (e-copy);
- Lưu VT, KH&ĐT (duyendt, 4 b).

Tài liệu đính kèm:
- Ý kiến góp ý của PVEP về Dự thảo NĐ thay thế NĐ 124

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY THĂM DÒ KHAI THÁC DẦU KHÍ

Nguyễn Thiện Bảo

Trụ sở : Tầng 26, Trung tâm Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 024 - 37726001, Fax: 024 - 37726027. Email:pvep.hn@pvep.com.vn

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2023/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2023*

DỰ THẢO
(Phiên bản 20/02/2023)

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về đầu tư ra nước ngoài theo hình thức quy định tại các điểm a, b, c, đ khoản 1 Điều 52 Luật Đầu tư để trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí).

2. Đầu tư ra nước ngoài theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế ở nước ngoài hoạt động nhiều lĩnh vực (trong đó có dầu khí) để tham gia quản lý tổ chức kinh tế đó nhưng không trực tiếp tham gia thực hiện hoạt động dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài được thực hiện theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 31/2021/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với nhà đầu tư, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dự án dầu khí* là dự án đầu tư được hình thành từ một hoặc nhiều hợp đồng dầu khí hoặc giấy phép để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

2. *Gánh vốn* là hình thức một hoặc một số nhà đầu tư thay mặt nhà đầu tư khác thực hiện nghĩa vụ góp vốn theo thỏa thuận để triển khai hoạt động dầu khí ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ tiếp nhận đầu tư (sau đây gọi là nước tiếp nhận đầu tư), hợp đồng dầu khí, giấy phép và các thỏa thuận liên quan khác mà không phải hoàn trả trong trường hợp rủi ro.

3. *Giấy phép hoặc văn bản tương đương* là văn bản của nước tiếp nhận đầu tư cấp cho nhà đầu tư hoặc pháp nhân do nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

4. *Hoạt động dầu khí ở nước ngoài* gồm hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí, phát triển mỏ dầu khí, khai thác dầu khí, thu dọn công trình dầu khí và các hoạt động liên quan khác được thực hiện ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng dầu khí hoặc giấy phép.

5. *Hợp đồng dầu khí* là thỏa thuận bằng văn bản được ký kết giữa đại diện chủ sở hữu tài nguyên dầu khí với nhà đầu tư hoặc pháp nhân do Nhà đầu tư thành lập theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

6. *Lợi nhuận của nhà đầu tư* là phần nhận được của nhà đầu tư sau khi khấu trừ toàn bộ các khoản chi phí, phí và thuế theo quy định của hợp đồng dầu khí và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.

~~7. *Người điều hành* là tổ chức đại diện cho các nhà đầu tư điều hành hoạt động dầu khí ở nước ngoài trong phạm vi được ủy quyền theo thỏa thuận giữa các nhà đầu tư và quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư.~~

~~8.~~7. *Thỏa thuận cho vay ra nước ngoài* là thỏa thuận được ký kết giữa bên cho vay là nhà đầu tư Việt Nam với bên đi vay là tổ chức kinh tế ở nước ngoài được thành lập để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

~~9.~~8. *Ứng vốn* là hình thức một hoặc một số nhà đầu tư ứng trước vốn đầu tư cho một hoặc các nhà đầu tư khác theo thỏa thuận để triển khai các hoạt động dầu khí ở nước ngoài phù hợp với luật pháp của nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng dầu khí, giấy phép và các thỏa thuận liên quan khác; bên được ứng vốn có nghĩa vụ hoàn trả khoản ứng vốn này và lãi (nếu có) trong mọi trường hợp.

Điều 4. Vốn đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

1. Nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí gồm tiền và tài sản hợp pháp khác của nhà đầu tư, bao gồm vốn chủ sở hữu, vốn vay tại Việt Nam chuyển ra nước ngoài, chi phí thu hồi, lợi nhuận và các khoản được chia từ dự án dầu khí ở nước ngoài được giữ lại để thực hiện đầu tư ở nước ngoài.

2. Tiền và tài sản hợp pháp khác theo quy định tại khoản 1 Điều này gồm:

a) Ngoại tệ trên tài khoản tại tổ chức tín dụng được phép hoặc mua tại tổ chức tín dụng được phép theo quy định của pháp luật;

b) Đồng Việt Nam phù hợp với pháp luật về quản lý ngoại hối của Việt Nam;

c) Máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, hàng hóa thành phẩm, hàng hóa bán thành phẩm;

d) Giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, thương hiệu, quyền đối với tài sản;

đ) Cổ phần, phần vốn góp, dự án của nhà đầu tư được hoán đổi tại tổ chức kinh tế ở Việt Nam và tổ chức kinh tế ở nước ngoài theo quy định tại khoản 4 Điều này;

e) Phần gánh vốn, phần ứng vốn, lợi nhuận trả cho đối tác gánh vốn, ứng vốn (nếu có);

g) Các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật dân sự.

3. Vốn đầu tư ra nước ngoài được dùng để góp vốn, cho công ty điều hành (quy định tại Điều 13 Nghị định này), tổ chức kinh tế ở nước ngoài được thành lập để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài vay vốn, thanh toán tiền mua cổ phần, mua phần vốn góp, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh (nếu có) và các nghĩa vụ tài chính khác của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, hợp đồng dầu khí, giấy phép và các thỏa thuận liên quan khác để thực hiện hoạt động dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài từ khi hình thành dự án đến khi kết thúc dự án và hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định. Các khoản vốn đã chuyển ra nước ngoài, khi được thu hồi và chuyển về nước thì không tính vào vốn đã chuyển ra nước ngoài.

4. Nhà đầu tư Việt Nam được dùng cổ phần, phần vốn góp hoặc dự án đầu tư của nhà đầu tư đó tại Việt Nam để thanh toán hoặc hoán đổi cho việc mua cổ phần, phần vốn góp hoặc dự án dầu khí của tổ chức kinh tế ở nước ngoài. Trong trường hợp này, nhà đầu tư Việt Nam thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài trước, sau đó nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục đầu tư tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đầu tư ra nước ngoài của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 6. Đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước và công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và báo cáo thẩm định nội bộ của cơ quan đại diện chủ sở

hữu về đề xuất đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản chấp thuận doanh nghiệp nhà nước được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài;

b) Trường hợp dự án dầu khí ở nước ngoài thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định của Luật Đầu tư thì Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư sau khi Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư;

c) Trường hợp dự án dầu khí ở nước ngoài thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Đầu tư thì cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định đầu tư sau khi Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư;

d) Trường hợp dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định đầu tư sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận doanh nghiệp nhà nước được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

2. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trừ doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này

a) Trên cơ sở báo cáo của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận các nội dung liên quan để người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp biểu quyết và quyết định đầu tư đối với dự án dầu khí ở nước ngoài tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên;

b) Hội đồng thành viên quyết định đầu tư đối với dự án dầu khí ở nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước là công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

c) Đại hội đồng cổ đông quyết định đầu tư đối với dự án dầu khí ở nước ngoài của doanh nghiệp nhà nước là công ty cổ phần;

3. Thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí của công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

a) Đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, trên cơ sở báo cáo của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con, doanh nghiệp nhà nước (công ty mẹ) chấp thuận công ty con được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài làm cơ sở để công ty con ra quyết định đầu tư và hoàn thiện thủ tục hồ sơ trình cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài;

b) Trường hợp dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài theo quy định của Luật Đầu tư, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty con quyết định đầu tư sau khi doanh nghiệp nhà nước (công ty mẹ) chấp thuận công ty con được thực hiện hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

4. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này do nhà đầu tư quyết định theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thì có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư ra nước ngoài thì có thẩm quyền quyết định điều chỉnh nội dung quyết định đầu tư ra nước ngoài và quyết định chấm dứt dự án dầu khí ở nước ngoài. Trường hợp điều chỉnh dự án dầu khí ở nước ngoài dẫn đến dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài của cấp cao hơn thì cấp đó có thẩm quyền chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư ra nước ngoài.

Điều 7. Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài

Tài liệu xác định địa điểm thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài là một trong các loại giấy tờ sau, trong đó có nội dung xác định địa điểm:

1. Giấy phép hoặc văn bản có giá trị tương đương của nước tiếp nhận đầu tư.

2. Hợp đồng dầu khí hoặc văn bản thỏa thuận đầu tư với đối tác nước ngoài hoặc văn bản thỏa thuận về việc nhận chuyển nhượng quyền lợi tham gia hoặc nhận chuyển nhượng một phần hay toàn bộ vốn góp của tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

3. Hợp đồng giao đất, cho thuê đất hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tại nước tiếp nhận đầu tư.

4. Thông báo trúng thầu tham gia dự án dầu khí ở nước ngoài hoặc văn bản có giá trị tương đương của nước tiếp nhận đầu tư.

Điều 8. Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài; ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí; tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí; xử lý hồ sơ giả mạo

1. Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

3. Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

4. Xử lý hồ sơ giả mạo được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương II

THỦ TỤC CẤP, ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI

Điều 9. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

1. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài gồm các tài liệu sau:

a) Các tài liệu theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 57 Luật Đầu tư.

b) Đối với tài liệu quy định tại điểm c khoản 1 Điều 57 Luật Đầu tư, nhà đầu tư phải đánh giá đầy đủ các rủi ro về kỹ thuật, kinh tế, môi trường đầu tư tại nước tiếp nhận đầu tư và các rủi ro khác phù hợp với tính chất của dự án hoặc các giai đoạn của dự án dầu khí ở nước ngoài.

c) Văn bản của cơ quan thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của nhà đầu tư theo quy định tại khoản 5 Điều 60 Luật Đầu tư.

d) Tài liệu xác nhận địa điểm thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài theo quy định tại Điều 7 Nghị định này.

đ) Tài liệu xác định hình thức đầu tư ra nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này.

e) Báo cáo về việc cho tổ chức kinh tế được thành lập để thực hiện hoạt động dầu khí ở nước ngoài vay (nếu có) gồm các nội dung: tên bên đi vay; tổng số tiền cho vay; mục đích, điều kiện cho vay; kế hoạch giải ngân; kế hoạch thu hồi nợ; biện pháp bảo đảm tài sản và phương thức xử lý tài sản bảo đảm (nếu có); phương án cân đối nguồn ngoại tệ để thực hiện cho vay; đánh giá khả năng tài chính của bên đi vay; mức độ rủi ro và dự kiến các biện pháp phòng ngừa rủi ro đối với khoản cho vay này.

g) Tài liệu xác định việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh phát sinh đối với trường hợp dự án dầu khí ở nước ngoài có nội dung nhà đầu tư bảo lãnh cho tổ chức kinh tế ở nước ngoài vay để thực hiện dự án.

h) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 77 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 78 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài

Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đối với dự án dầu khí không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư ra nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương III

TRIỂN KHAI DỰ ÁN DẦU KHÍ

Điều 13. Thành lập công ty điều hành

1. Để thực hiện hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài hoặc triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư được phép thành lập hoặc tham gia thành lập công ty điều hành tại Việt Nam, tại nước tiếp nhận đầu tư hoặc tại nước thứ ba theo quy định của pháp luật có liên quan, hợp đồng dầu khí và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

2. Nhà đầu tư có thể sử dụng một công ty điều hành để quản lý, điều hành một hoặc nhiều dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp với quy định của nước tiếp nhận đầu tư. Chi phí đối với từng dự án dầu khí phải được phân bổ, hạch toán độc lập.

3. Trường hợp nhà đầu tư quyết định thành lập công ty điều hành nhằm mục đích thay mặt nhà đầu tư tham gia hoặc triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài, công ty điều hành và nhà đầu tư sẽ được ghi tên trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Công ty điều hành được sử dụng giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để phục vụ các hoạt động liên quan đến triển khai dự án dầu khí.

Điều 14. Chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài

1. Nhà đầu tư được chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư ở nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo quy định tại Điều 66 Luật Đầu tư.

2. Nhà đầu tư được chuyển ~~ngoại tệ~~tiền, hàng hóa, máy móc, thiết bị ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để đáp ứng các chi phí cho hoạt động hình thành dự án dầu khí ở nước ngoài, bao gồm:

a) Nghiên cứu thị trường và cơ hội đầu tư;

b) Khảo sát thực địa;

c) Nghiên cứu tài liệu;

d) Thu thập và mua tài liệu, thông tin có liên quan đến lựa chọn dự án;

đ) Tổng hợp, đánh giá, thẩm định, kể cả việc lựa chọn và thuê chuyên gia, tư vấn để tiếp cận, đánh giá, thẩm định dự án;

e) Tổ chức hội thảo, hội nghị khoa học;

g) Thành lập và hoạt động của văn phòng liên lạc ở nước ngoài liên quan đến việc hình thành dự án;

h) Tham gia đấu thầu quốc tế, đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác, thanh toán chi phí, lệ phí theo yêu cầu của bên mời thầu, nước tiếp nhận đầu tư liên quan đến điều kiện tham gia đấu thầu, điều kiện thực hiện dự án;

i) Tham gia mua bán, sáp nhập công ty, đặt cọc, ký quỹ hoặc các hình thức bảo lãnh tài chính khác, thanh toán chi phí, lệ phí theo yêu cầu của bên bán công ty hoặc theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư;

k) Đàm phán hợp đồng;

l) Mua hoặc thuê tài sản, dịch vụ hỗ trợ cho việc hình thành dự án.

3. Việc chuyển tiền theo quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện trên cơ sở các cam kết, thỏa thuận thương mại liên quan đến đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, thông qua tài khoản ngoại tệ mở tại tổ chức tín dụng được phép của Việt Nam và đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài trước khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài đúng mục đích phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Nhà đầu tư được thực hiện các giao dịch hoàn trả lại phần góp vốn (thừa) của đối tác nước ngoài khác và thực hiện các nghĩa vụ tài chính (nếu có) đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của Hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan sau khi kết thúc dự án dầu khí, hoạt động dầu khí ở nước ngoài.

5. Quy trình thực hiện chuyển ngoại tệ ra nước ngoài để thực hiện hoạt động dầu khí thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 5 Điều 82 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 15. Huy động vốn cho dự án dầu khí ở nước ngoài và bảo lãnh vay vốn thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư Việt Nam được ủy quyền cho công ty điều hành huy động vốn từ các tổ chức tài chính, tín dụng (nước ngoài hoặc trong nước) để thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài tương ứng với tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư trong dự án.

2. Đối với các dự án dầu khí ở nước ngoài có thành lập công ty điều hành và trường hợp các tổ chức tài chính, tín dụng có yêu cầu về cầm cố, thế chấp tài

sản dự án cho khoản vay, nhà đầu tư được thực hiện các thủ tục pháp lý để công ty điều hành thực hiện các khoản vay này.

3. Trường hợp các tổ chức tài chính, tín dụng có yêu cầu bảo lãnh của các nhà đầu tư, nhà đầu tư Việt Nam thực hiện việc bảo lãnh tương ứng với tỷ lệ tham gia đầu tư của nhà đầu tư trong dự án.

Điều 16. Chuyển khoản thu hồi vốn (chi phí) và lợi nhuận từ dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm chuyển khoản thu hồi vốn (chi phí) từ dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam.

a) ~~2.~~ Khi chuyển khoản thu hồi vốn (chi phí) về Việt Nam, nhà đầu tư được phép trừ vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài khi xác định vốn đầu tư đã chuyển ra nước ngoài tại mỗi thời điểm và có báo cáo bằng văn bản đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

b) ~~3.~~ Trường hợp tổng vốn đầu tư ra nước ngoài chưa đạt so với vốn đăng ký hoặc trong trường hợp tăng vốn đầu tư ra nước ngoài, nhà đầu tư được giữ lại các khoản thu hồi vốn (chi phí) của dự án dầu khí ở nước ngoài và lợi nhuận của Nhà đầu tư ~~phần còn lại của khoản thu hồi vốn sau khi nộp thuế (theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư)~~ để đầu tư cho dự án ~~đó nếu được quy định trong~~ dầu khí hoặc dự án dầu khí khác ở nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài điều chỉnh.

2. Việc chuyển lợi nhuận về Việt Nam

a) Đối với dự án dầu khí ở nước ngoài có nhiều đối tác tham gia, nhà đầu tư có trách nhiệm thỏa thuận rõ cơ chế chia lợi nhuận như: thời điểm chia, tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức phát sinh hằng năm;

b) Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày có báo cáo quyết toán thuế hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư, nhà đầu tư phải chuyển toàn bộ lợi nhuận được chia và các khoản thu nhập khác được nhận từ đầu tư dự án dầu khí ở nước ngoài về Việt Nam. Trong thời hạn này mà chưa chuyển lợi nhuận và các khoản thu nhập khác về Việt Nam, nhà đầu tư phải có văn bản báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Thời hạn chuyển lợi nhuận về nước được gia hạn không quá hai lần, mỗi lần không quá 06 tháng và phải được Bộ Kế hoạch và Đầu tư chấp thuận bằng văn bản;

c) Nhà đầu tư được để lại lợi nhuận thu từ dự án dầu khí ở nước ngoài (lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế) nhằm mục đích tái đầu tư (góp vốn trực tiếp hoặc cho dự án dầu khí ở nước ngoài vay lại khi dự án chưa đạt vốn đầu tư ra nước ngoài đã đăng ký, tăng vốn đầu tư ra nước ngoài) hoặc sử dụng để đầu tư cho những dự án dầu khí khác ở nước ngoài đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước, nhà đầu tư chưa phải thực hiện điều tiết lợi nhuận trong thời gian chưa chuyển lợi nhuận

về Việt Nam theo quy định của pháp luật nhưng phải bổ sung, thuyết minh tại báo cáo tài chính, phục vụ giám sát, theo dõi của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan có liên quan;

d) Khi xác định vốn đầu tư ra nước ngoài tại thời điểm ký kết các thỏa thuận cho vay ra nước ngoài mới hình thành từ lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế của nhà đầu tư để lại cho dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư được phép trừ vào tổng vốn đầu tư ra nước ngoài đã thực hiện đối với phần thu hồi nợ gốc của thỏa thuận cho vay ra nước ngoài đã ký kết.

~~a)~~e) Trong trường hợp lợi nhuận thu được từ dự án dầu khí ở nước ngoài (lợi nhuận được chia, lợi nhuận sau thuế) được giữ lại để tái đầu tư cho dự án dầu khí mới khác thì nhà đầu tư chỉ cần thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài cho dự án dầu khí đầu tư mới (giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của dự án dầu khí đầu tư mới tách biệt với giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài của dự án hiện hữu đang triển khai).

Điều 17. Chuyển nhượng dự án dầu khí ở nước ngoài

1. Nhà đầu tư được chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp quy định của hợp đồng dầu khí, thỏa thuận, giấy phép liên quan, pháp luật nước tiếp nhận đầu tư và các quốc gia có liên quan, Nghị định này và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế. Cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án dầu khí ở nước ngoài án là cấp có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng dự án.

2. Trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư thực hiện thủ tục chấm dứt và thanh lý dự án theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định này.

3. Trường hợp việc chuyển nhượng dự án dầu khí ở nước ngoài phát sinh lợi nhuận, nhà đầu tư thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 18. Xử lý chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài không thành công

- Phương án 1: Kiến nghị giữ nguyên theo NĐ 124/2017/NĐ-CP (theo đó, không còn Khoản 3, Điều 26)

- Phương án 2: Các chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài không thành công được xử lý theo quy định của pháp luật và quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Điều 19. Kế toán

1. Nhà đầu tư được áp dụng hệ thống kế toán cho dự án dầu khí ở nước ngoài phù hợp với các quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép và quy định của nước tiếp nhận đầu tư.

2. Việc hạch toán theo dõi chi phí đầu tư của nhà đầu tư trong sổ sách kế toán của nhà đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về kế toán.

Điều 20. Nghĩa vụ tài chính

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan đến dự án dầu khí ở nước ngoài đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

2. Đối với trường hợp nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài thành lập hoặc tham gia đầu tư vào tổ chức ở nước ngoài để hoạt động dầu khí ở một quốc gia khác mà tổ chức đã chịu thuế thu nhập hoặc một loại thuế có bản chất tương tự như thuế thu nhập (kể cả thuế đối với cổ tức được chia, thuế đối với tiền lãi cổ phần), khi xác định nghĩa vụ thuế thu nhập phải nộp tại Việt Nam được trừ số thuế đã nộp hoặc tổ chức, đối tác khác trả, trả thay tại nước ngoài nhưng số thuế được trừ không vượt quá số thuế thu nhập tính theo mức thuế suất theo quy định của pháp luật Việt Nam về thuế tại thời điểm phát sinh thuế. Số thuế thu nhập đầu tư ra nước ngoài được miễn, giảm đối với phần lợi nhuận được hưởng từ dự án dầu khí ở nước ngoài theo pháp luật của nước tiếp nhận đầu tư cũng được trừ khi xác định số thuế thu nhập phải nộp tại Việt Nam.

3. Các khoản thu nhập của nhà đầu tư trong kỳ theo hợp đồng dầu khí được xác định theo quy định của nước tiếp nhận đầu tư là cơ sở để nhà đầu tư kê khai và thực hiện các nghĩa vụ tại Việt Nam (nếu có).

4. Đối với những hợp đồng dầu khí, dự án dầu khí ở nước ngoài trong đó phần thu (được chia) của nhà đầu tư không phân định thành các phần thu hồi vốn và các khoản thu nhập của nhà đầu tư, nhà đầu tư đăng ký bổ sung với Bộ Tài chính về cơ chế xác định các khoản thu của nhà đầu tư cho mục đích quản lý Nhà nước và hoàn thành các nghĩa vụ tại Việt Nam (nếu có).

5. Việc miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đối với phần vốn bằng hàng hóa, máy móc, thiết bị chuyển ra nước ngoài để thực hiện hoạt động đầu tư và chuyển từ nước ngoài về Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Điều 21. Đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại dự án dầu khí ở nước ngoài và ổn định chính sách đối với người lao động tham gia thực hiện dự án dầu khí ở nước ngoài

1. Nhà đầu tư chỉ được đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại các dự án dầu khí ở nước ngoài sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và đáp ứng quy định của pháp luật về lao động của Việt Nam và của nước tiếp nhận đầu tư.

2. Nhà đầu tư phải thực hiện đầy đủ các quy định về việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc cho dự án dầu khí ở nước ngoài theo quy định của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và quy định khác có liên quan.

3. Trường hợp người lao động được nhà đầu tư cử làm việc thường xuyên tại các tổ chức triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài theo thỏa thuận bằng văn bản giữa nhà đầu tư với các đối tác mà tiền lương, tiền thưởng và các chế độ phụ cấp, bảo hiểm được tính vào chi phí tính thuế của dự án dầu khí ở nước ngoài trước khi chuyển cho nhà đầu tư để chi trả cho người lao động thì người lao động được đảm bảo chế độ tiền lương, tiền thưởng và phụ cấp theo quy định của hợp đồng lao động và các thỏa thuận với nhà đầu tư (người sử dụng lao động). Nhà đầu tư được sử dụng bảng lương ngoại tệ áp dụng đối với người lao động và làm cơ sở để thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đóng góp xã hội bắt buộc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Đối với trường hợp người lao động được nhà đầu tư cử làm việc thường xuyên tại các tổ chức triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài mà các chế độ phụ cấp, bảo hiểm bắt buộc phải đóng theo quy định của pháp luật Việt Nam mà không được tính vào chi phí tính thuế của dự án dầu khí ở nước ngoài, nhà đầu tư được trích nộp từ chi phí sản xuất kinh doanh của mình và người lao động đóng góp từ thu nhập cá nhân để thực hiện các nghĩa vụ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đóng góp xã hội bắt buộc khác cho người lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các khoản đóng góp xã hội bắt buộc khác theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với người lao động do nhà đầu tư cử làm việc thường xuyên tại các tổ chức triển khai dự án dầu khí ở nước ngoài được thực hiện như với chức danh tương tự ở Việt Nam.

Điều 22. Thực hiện chế độ báo cáo đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

Chế độ báo cáo đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại Điều 83 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Điều 23. Kết thúc đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí và hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài

1. Việc kết thúc đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí được thực hiện theo quy định tại Điều 86 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục chấm dứt hiệu lực giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 87 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐẦU TƯ RA NƯỚC NGOÀI TRONG HOẠT ĐỘNG DẦU KHÍ

Điều 24. Quản lý nhà nước đối với đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí theo quy định Luật Đầu tư và Điều 99 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2023 và thay thế Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí.

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các quy định của văn bản mới đó.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 26. Quy định chuyển tiếp

1. Các hồ sơ đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí đã trình cơ quan có thẩm quyền trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì không phải trình lại và được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Đối với các dự án dầu khí có giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài được cấp trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 hoặc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực, nhà đầu tư đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc chuyển tiền ra nước ngoài nhằm thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nước tiếp nhận đầu tư, đối tác theo quy định của hợp đồng dầu khí, giấy phép hoặc các thỏa thuận và văn bản pháp lý khác có liên quan. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm sử dụng số ngoại tệ chuyển ra nước ngoài đúng mục đích phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước hoặc công ty con do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, trường hợp quy chế quản lý tài chính của doanh nghiệp quy định việc xử lý chi phí của dự án dầu khí ở nước ngoài không thành công thực hiện theo Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2017 và chưa được kịp thời điều chỉnh phù hợp với Nghị định này thì nhà đầu tư được áp dụng nguyên tắc phân bổ chi phí theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 124/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2017 đến khi quy chế tài quản lý chính mới của doanh nghiệp được cấp thẩm quyền ban hành nhưng không quá 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực./.(nếu Điều 18 theo Phương án 2)

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (3).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính